TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 6 - 2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hằng

2. Ông Lê Mạnh Quỳnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn La - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình A, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Quảng Khai, xã K, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc "Có mặt".

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Bồ Ngoài, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2023 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Đình A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau ngày 30/7/2019, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh và chị B thuê phòng trọ ở riêng tại chợ Vĩnh Thịnh, phường Q, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống anh và chị B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh và chị B đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh và chị B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, chị B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị B nhưng chị B đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh A đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị B là bị đơn không chấp hành đầy đủ, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Đình A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Về con chung, về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Bị đơn chị B hiện có hộ khẩu và cư trú tại thôn Bồ Ngoài, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

Đối với chị B quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

[2] Về hôn nhân: Anh A và chị B đăng ký kết hôn ngày 30/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị B là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa anh A và chị B thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa anh A và chị B có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như anh A trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh và chị B đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị B mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không chấp hành, không có mặt để trình bày ý kiến về mâu thuẫn hay xin đoàn tụ. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh A xin ly hôn chị B là

chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh A và chị B không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Anh A không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đình A được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đình A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001631 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tam Đảo. Xác nhận anh A đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Bồ Lý, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Thái